TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2026/HNGĐ-ST
Ngày 16-01-2026
"Về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13-VĨNH LONG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Sơn Thị Sô Tha.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Trung Hòa

2. Bà Thạch Kim Hạnh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Bích Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13- Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13- Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Nhẹ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13-Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 146/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 31 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh ngày 09/10/1993
Địa chỉ: Ấp G, xã T, tỉnh Vĩnh Long, có đơn xin vắng mặt.
- Bị đơn: Anh Lâm B, sinh năm 1990
Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày: Năm 2017 chị và anh Lâm Bđược cha mẹ hai bên cho phép tổ chức lễ cưới sau thời gian quen biết và tìm hiểu nên anh, chị có tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh T (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long). Sau khi kết hôn anh, chị về sống nhà cha mẹ ruột tại ấp G, xã T (nay là ấp G, xã T). Tuy vợ chồng có quen biết trước rồi mới đến với nhau nhưng vợ chồng sống hạnh phúc không trọn vẹn, nguyên nhân do anh Lâm B không quan tâm chăm sóc gia đình, ham mê cờ bạc, gây ra nợ nần chị phải nhiều lần đứng ra trả nợ và cố gắn khuyên anh B, mong anh B thay đổi để có một gia đình trọn vẹn nhưng không có kết quả, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và anh Lâm B đã bỏ nhà đi từ tháng 8 năm 2024 nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay, từ lúc ly thân hai bên không bên nào tạo điều kiện để hàn gắn.

Đến nay nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, không thể hàn gắn được, anh chị không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc cho nhau nữa, cuộc sống hạnh phúc không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lâm B.

Về con chung: Tên Lâm Trần Kim Ng, sinh ngày 09/8/2017 và Lâm Trần Kim P, sinh ngày 24/7/2020, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Lâm B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Đới với anh Lâm B: Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải cho anh B đến Tòa án nhân dân khu vực 13- Vĩnh Long giải quyết việc chị Trần Thị N yêu cầu được ly hôn và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung khi ly hôn nhưng anh B vắng mặt không có lý do. Như thế, anh B không muốn tạo điều kiện hàn gắn với chị N và không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình trong việc gửi văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 13- Vĩnh Long. Đồng thời anh B cũng không đến Tòa án làm việc để Tòa án ghi nhận ý kiến, yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị N. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai liên tiếp không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13- Vĩnh Long tham gia phiên tòa:

Qua nghiên cứu đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng.

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan trong quá trình thụ lý và chuẩn bị xét xử. Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo qui định tại các Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử là vi phạm Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 147, Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị N được ly hôn với anh Lâm B.

- Về con chung: Giao con chung tên Lâm Trần Kim Ng, sinh ngày 09/8/2017 và Lâm Trần Kim Ph, sinh ngày 24/7/2020 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng (phù hợp với nguyện vọng của con chung Lâm Trần Kim Ng muốn sống chung với mẹ), chị N không yêu cầu anh Lâm B cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do anh Lâm B cư trú tại ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 13-Vĩnh Long.

[2] Về tố tụng: Do nguyên đơn chị Trần Thị N có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Lâm B để trình bày ý kiến, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án lập biên bản ghi nhận về việc không tiến hành hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Lâm B xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2017 trên cơ sở tự nguyện và sau đó có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, căn cứ theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị N trình bày vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống do anh B không quan tâm chăm sóc vợ con, anh chỉ thích ăn chơi cờ bạc nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 8 năm 2024 không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau chị N giữ nguyên quan điểm ly hôn. Quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, anh Bkhông hợp tác là tự đánh mất cơ hội tham gia hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Xét mâu thuẫn giữa chị N và anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị N được ly hôn anh B phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Lâm Trần Kim Ng, sinh ngày 09/8/2017 và Lâm Trần Kim Ph, sinh ngày 24/7/2020, chị N yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng (phù hợp nguyện vọng của con chung Lâm Trần Kim Ng muốn sống cùng với mẹ) và không yêu cầu anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị N xác định không có, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân hôn nhân sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 51, 53, 56, 57 và Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N được ly hôn với anh Lâm B.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lâm Trần Kim Ng, sinh ngày 09/8/2017 và Lâm Trần Kim Ph, sinh ngày 24/7/2020 cho chị Trần Thị N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng (phù hợp với ý kiến của con muốn sống cùng với mẹ). Chị Trần Thị N không yêu cầu anh Lâm B cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không tranh chấp nên không xem xét, giải quyết

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) và được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị Trần Thị N đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0005218 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Đương sự,
- VKSND khu vực 13- Vĩnh Long,
- TAND tỉnh Vĩnh Long,
- THADS tỉnh Vĩnh Long,
- UBND xã T,
-Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Sơn Thị Sô Tha